TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BẢO THẮNG** TỈNH LÀO CAI	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 08/2018/HNGĐ-ST
Ngày 07 - 02 - 2018
V/v "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO THẮNG - TỈNH LÀO CAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Phạm Thị Thu Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Trần Thị Thu Hương
2. Bà Nguyễn Thị Ánh Tuyết

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu Nhung - Thư ký Toà án nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai.

Ngày 07 tháng 02 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 291/2017/TLST-HNGĐ ngày 27/11/2017 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 22/01/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 05/2018/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 02 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Vũ Thị Hương H, sinh năm 1988
Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn T, xã C, huyện B, tỉnh Lào Cai.
Nơi ở: Tổ dân phố P, thị trấn P,huyện B, tỉnh Lào Cai
Có mặt.
2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1982
Địa chỉ: Tổ dân phố P, thị trấn P,huyện B, tỉnh Lào Cai
Vắng mặt lần 2 không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện ngày 24/11/2017, bản tự khai ngày 27/11/2017 và các lời trình bày tại Tòa án của nguyên đơn chị Vũ Thị Hương H thì chị và anh Nguyễn Văn T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn ngày 26/6/2009 tại Uỷ ban nhân dân xã C, huyện B, tỉnh Lào Cai. Sau kết hôn vợ chồng chị sống hạnh phúc đến đầu năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chính do tính tình vợ chồng không hòa hợp, thường xuyên bất đồng quan điểm trong cuộc sống và cãi vã nhau. Ngoài ra do vợ chồng kết hôn đã lâu nhưng không có con chung. Mâu thuẫn của vợ chồng chị đã được gia đình hai bên hòa giải khuyên bảo nhiều lần nhưng anh chị vẫn không khắc phục được nên mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn

không thể khắc phục được chị đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

Đối với anh Nguyễn Văn T tại bản tự khai ngày 14/12/2017 anh trình bày: Anh và chị H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn vào ngày 26/6/2009 tại Uỷ ban nhân dân xã C, huyện B, tỉnh Lào Cai. Sau kết hôn vợ chồng anh sống hạnh phúc đến đầu tháng 11/2017 mới xảy ra mâu thuẫn và chủ yếu là mâu thuẫn nhỏ trong sinh hoạt gia đình hàng ngày, ngoài ra không có mâu thuẫn gì khác. Việc anh chị lấy nhau đã lâu vẫn chưa có con chung không phải là nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng anh. Nay chị H khởi kiện xin ly hôn anh, anh không nhất trí ly hôn vì tình cảm vợ chồng vẫn còn, mâu thuẫn vẫn có khả năng khắc phục được, anh có nguyện vọng vợ chồng về đoàn tụ.

Về con chung: Chị Vũ Thị Hương H và anh Nguyễn Văn T đều xác nhận trong thời gian chung sống vợ chồng anh chị không có con chung nên anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị Vũ Thị Hương H và anh Nguyễn Văn T đều xác nhận trong thời gian chung sống vợ chồng anh chị có tạo dựng được một số tài sản chung, khi ly hôn anh chị tự thỏa thuận chia nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ chung: Chị Vũ Thị Hương H và anh Nguyễn Văn T đều xác nhận trong thời gian chung sống vợ chồng anh chị có vay nợ của Ngân hàng chính sách xã hội huyện B, tỉnh Lào Cai số tiền 30.000.000đ mục đích vay để sản xuất kinh doanh, lãi suất 0,8%/tháng, thời hạn vay từ 21/4/2015 đến 21/4/2019. Đối với khoản nợ trên do chưa đến thời hạn trả nợ nên anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra vợ chồng anh chị không còn nợ ai khác và không cho ai vay nợ.

Về việc cung cấp tài liệu chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án, nguyên đơn đã cung cấp đầy đủ các tài liệu chứng cứ về nhân thân, địa chỉ thường trú, chứng cứ chứng minh việc có đăng ký kết hôn, chứng cứ chứng minh mâu thuẫn của vợ chồng. Bị đơn không cung cấp tài liệu chứng cứ nào.

Đối với vụ án này Toà án không tiến hành hoà giải được về quan hệ hôn nhân vì anh T đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt không có lý do, Toà án đã tiến hành lập biên bản về việc anh T vắng mặt để giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên toà hôm nay chị Vũ Thị Hương H vẫn giữ nguyên yêu cầu và nguyện vọng của mình, còn anh Nguyễn Văn T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Như vậy cần xét xử vắng mặt anh là phù hợp với Điểm b Khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng: Chị Vũ Thị Hương H có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai giải quyết "Ly hôn" với anh Nguyễn Văn T (địa chỉ: Tổ dân phố P, thị trấn P, huyện B, tỉnh Lào Cai). Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Vũ Thị Hương H và anh Nguyễn Văn T kết hôn tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 26/6/2009 tại Uỷ ban nhân dân xã C, huyện B, tỉnh Lào Cai. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau kết hôn vợ chồng chị H anh T chung sống hòa thuận hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống hay cãi nhau và do anh chị không có con chung, mặc dù đã đi chữa nhiều nơi nhưng không có kết quả. Việc mâu thuẫn của anh chị đã được chính quyền địa phương xác nhận (Bút lục 04). Đối với anh Nguyễn Văn T cho rằng vợ chồng chung sống đến tháng 11/2017 mới phát sinh mâu thuẫn, nhưng chủ yếu là mâu thuẫn nhỏ trong sinh hoạt hàng ngày, việc vợ chồng lấy nhau đã lâu nhưng đến nay vẫn chưa có con chung không phải là nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng anh. Chị H xin ly hôn thì anh không đồng ý vì theo anh tình cảm vợ chồng vẫn còn, mâu thuẫn vẫn có thể khắc phục được. Tuy nhiên anh không đưa ra được chứng cứ nào chứng minh cho yêu cầu của mình. Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đương sự cung cấp có đủ cơ sở khẳng định tình trạng hôn nhân của anh chị đã đến mức trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử cần áp dụng Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị Vũ Thị Hương H được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

[3] Về con chung: Chị H và anh T đều xác nhận trong thời gian chung sống anh chị không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Chị H và anh T đều xác nhận trong thời gian chung sống vợ chồng anh chị có tạo dựng được một số tài sản chung, anh chị tự thỏa thuận chia nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về công nợ chung: Chị H và anh T đều xác nhận trong thời gian chung sống vợ chồng anh chị có vay nợ của Ngân hàng chính sách xã hội huyện B, tỉnh Lào Cai số tiền 30.000.000đ mục đích vay để sản xuất kinh doanh, lãi suất 0,8%/tháng, thời hạn vay từ 21/4/2015 đến 21/4/2019. Đối với khoản nợ trên do chưa đến thời hạn trả nợ nên anh chị đều không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[6] Về án phí: Chị Vũ Thị Hương H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình; Điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228; Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu phí, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

1. Xử cho chị Vũ Thị Hương H được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

2. Về án phí: Chị Vũ Thị Hương H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai theo biên lai số 0007400 ngày 27/11/2017. Chị H đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

"Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- TAND tỉnh LC;
- VKSND tỉnh LC;
- VKSND huyện BT;
- UBND xã C, huyện B;
- Đương sự (2);
- Niêm yết;
- Chi cục THADS BT;
- Lưu HS, TA, VP.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa
(*Đã ký*)

Phạm Thị Thu Hằng